

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /2020/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 01 tháng 9 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP  
ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi  
hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ  
phí;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ  
Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;  
Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính  
hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm  
2013 của Chính phủ; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm  
2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số  
56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1100/TTr-  
SCT ngày 8 tháng 7 năm 2020,*



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Bộ Công Thương;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



Trần Tuệ Hiền

**QUY ĐỊNH**

**Giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bình Phước**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về giá dịch vụ trông giữ xe đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Chương II  
MỨC THU GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG  
NGUỒN THU TỪ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE**

**Điều 3. Mức giá dịch vụ trông giữ xe**

**1. Mức giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:**

a) Mức giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện công cộng và điểm tham quan

TT	Đối tượng	Mức giá (đồng/lượt/xe)			Mức giá (đồng/xe/tháng)
		Ban ngày	Ban đêm	Cả ngày, đêm	Theo tháng
1	Xe đạp, xe đạp điện, xe thô sơ khác	1.000	2.000	3.000	50.000
2	Xe gắn máy, xe mô tô 2 bánh	2.000	3.000	5.000	100.000
3	Đối với xe ô tô				
3.1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có trọng tải dưới 2 tấn	10.000	20.000	30.000	500.000
3.2	Xe từ 13 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi, xe tải có trọng tải từ 2 tấn đến 4 tấn	12.000	25.000	37.000	900.000
3.3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có trọng tải trên 4 tấn	18.000	35.000	53.000	900.000



b) Mức giá dịch vụ trông giữ xe tại các chợ, bệnh viện, trung tâm y tế, cơ sở đào tạo, dạy nghề, trường học

TT	Đối tượng	Mức giá (đồng/lượt/xe)			Mức giá (đồng/xe/tháng)
		Ban ngày	Ban đêm	Cả ngày, đêm	Theo tháng
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000	3.000	15.000
2	Xe gắn máy, xe mô tô 2 bánh	2.000	3.000	5.000	30.000
3	Đối với xe ô tô, xe mô tô 3 bánh				
3.1	Xe ô tô con 7 chỗ ngồi trở xuống, xe mô tô 3 bánh	10.000	15.000	25.000	150.000
3.2	Xe ô tô trên 7 chỗ ngồi, xe tải các loại	12.000	20.000	32.000	200.000

**2. Mức giá tối đa của dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:**

TT	Đối tượng	Mức giá (đồng/lượt/xe)			Mức giá (đồng/xe/tháng)
		Ban ngày	Ban đêm	Cả ngày, đêm	Theo tháng
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000	3.000	50.000
2	Xe gắn máy, xe mô tô 2 bánh	3.000	5.000	8.000	150.000
3	Đối với xe ô tô				
3.1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có trọng tải dưới 2 tấn	15.000	30.000	45.000	750.000
3.2	Xe từ 13 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi, xe tải có trọng tải từ 2 tấn đến 4 tấn	20.000	40.000	60.000	1.000.000
3.3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có trọng tải trên 4 tấn	30.000	50.000	80.000	1.500.000

Giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bình Phước quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này là giá đã gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tình hình thực tế, các tổ chức, đơn vị quyết định cụ thể mức giá dịch vụ trông giữ xe do tổ chức, đơn vị mình đầu tư nhưng không được vượt quá mức giá tối đa nêu trên.

#### **Điều 4. Khoảng thời gian trông giữ xe, lượt xe**

1. Trông giữ xe ban ngày: Được tính từ 6 giờ sáng đến hết 18 giờ cùng ngày.
2. Trông giữ xe ban đêm: Được tính từ 18 giờ ngày hôm trước đến trước 6 giờ sáng ngày hôm sau.
3. Trông giữ xe cả ngày, đêm: Tổng thời gian trông giữ xe từ 12 tiếng đến dưới 24 tiếng được tính là 01 ngày đêm; tổng thời gian trông giữ xe từ 24 tiếng đến dưới 48 tiếng được tính là 02 ngày đêm.
4. Lượt gửi xe: được tính cho 01 lần gửi xe vào và lấy xe ra.

#### **Điều 5. Quản lý và sử dụng nguồn thu**

Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ trông giữ xe phải công khai thông tin và niêm yết giá dịch vụ, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền còn lại theo quy định của pháp luật.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thu, nộp, quản lý giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn.
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về giá dịch vụ trông giữ xe sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Công Thương) để xem xét, giải quyết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *ry*  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Tuệ Hiền**